

UBND TỈNH KIÊN GIANG  
**SỞ TƯ PHÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /ĐN-STP

Kiên Giang, ngày tháng 10 năm 2023

**ĐỀ NGHỊ**  
**Về việc phân bổ kinh phí thực hiện chuyển đổi số năm 2023**

Căn cứ Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 về việc phân bổ kinh phí thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Kiên Giang năm 2023;

Đề nghị số 32/ĐN-HC&BTTP ngày 19 tháng 10 năm 2023 về việc sử dụng kinh phí phân bổ thực hiện chuyển đổi số năm 2023;

Sở Tư pháp đề nghị Sở Tài chính tỉnh Kiên Giang xem xét cấp kinh phí cho Sở Tư pháp theo chương, loại, khoản, mục, mã nguồn như sau:

Mã chương 414; Mã NDKT 314; Mã nguồn 15; Tiêu mục 7054

(Bảng dự toán chi tiết kèm theo)

**Tổng số tiền bằng chữ: Một tỷ đồng.**

Rất mong được sự chấp thuận của Sở Tài chính tỉnh Kiên Giang./.

**Nơi nhận:**

- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, hnthoi.

**GIÁM ĐỐC**

**Trần Văn Khái**

**BẢNG DỰ TOÁN CHI TIẾT**

<b>STT</b>	<b>Nội dung chi phí</b>	<b>Diễn giải cách tính</b>	<b>Giá trị trước thuế (VNĐ)</b>	<b>Thuế GTGT (VNĐ)</b>	<b>Giá trị sau thuế (VNĐ)</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Chi phí lập Báo cáo Nghiên cứu khả thi	0,635% x Gcsdl	343.287.103	34.328.710	377.615.813	Bảng 2b, Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT
2	Chi phí thẩm tra Báo cáo Nghiên cứu khả thi	0,064% x Gcsdl	34.599.015	3.459.902	38.058.917	Bảng 4b, Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT
3	Lệ phí thẩm định hạng mục đầu tư	0,014% x TMĐT	9.211.020	0	9.211.020	Thông tư số 209/2016/TT-BTC
4	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	Mục 7050	575.114.250	0	575.114.250	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>962.211.388</b>	<b>37.788.612</b>	<b>1.000.000.000</b>	